

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2022
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T, TỈNH TRÀ VINH**

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ngọc Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Sang

Ông Nguyễn Văn Triệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Vương Thị T, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô C A, xã Lương H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:*** Ông Võ Văn M, sinh năm 1967 (Vắng)

Địa chỉ: Ấp Ô C A, xã Lương H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2021 và bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vương Thị T là nguyên đơn trình bày: bà với ông Võ Văn M kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian gần đây khoảng đầu năm 2021 do ông M có quen người phụ nữ khác nên từ đó

phát sinh mâu thuẫn. Nay thấy không thể tiếp tục cuộc sống đúng nghĩa vợ chồng, xét thấy không thể H hợp được, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người ly thân không còn quan tâm với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Có một người tên Võ Hoàng K, sinh ngày 18/5/2013, hiện đang sống với bà. Theo nguyện vọng của con chung muốn sống chung với cha hoặc mẹ, nếu sống chung với mẹ thì bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 20/7/2022 chị Võ Ngọc Huyền là Trưởng ban nhân dân ấp Ô C A, xã Lương H. Chị Huyền cho rằng ông Võ Văn M và bà Vương Thị T kết hôn với nhau vào năm 2013 và có với nhau 01 người con chung tên Võ Hoàng K, sinh năm 2013, hiện đang sống với bà T, cháu K phát triển bình thường. Quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông M, bà T thì địa phương không rõ. Hiện nay ông M vẫn còn hộ khẩu thường trú tại ấp Ô C A nhưng ông không còn ở địa phương hơn nửa năm nay, bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông M thì địa phương không có ý kiến, do Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T về vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 và 99 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, người tham gia tố tụng đã T hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Vương Thị T tuân thủ đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn ông Võ Văn M thì không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, mặt dù đã được niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng ông M vẫn vắng mặt không lý do ; vì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 53, 54, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị T.

- Về hôn nhân: Bà Vương Thị T được ly hôn với ông Võ Văn M

- Về con chung: có một người tên Võ Hoàng K, sinh ngày 18/5/2013, hiện đang sống với bà T. Theo nguyện vọng của cháu K muốn sống chung với mẹ, nên

giao cháu K cho bà T nuôi là phù hợp, bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vương Thị T phải chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh.

- Nguyên đơn bà Vương Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Về hình thức: Bà Vương Thị T với ông Võ Văn M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương H, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, bà T có đơn ly hôn với ông M. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị T với ông Võ Văn M kết hôn với nhau do hai người tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013. Quá trình chung sống bà T với ông M hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông M có quen người phụ nữ khác và bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông M với bà T ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay, ông M không về thăm gia đình và cũng không quan tâm đến vợ con, bà T thấy vợ chồng không thể H hợp được, không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chỉ ly hôn với ông M.

- Đối với ông Võ Văn M vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi hai người ly thân từ năm 2021 đến nay ông M cũng không có quan tâm, tìm cách hàn gắn tình cảm với bà T. Thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà Vương Thị T được ly hôn với ông Võ Văn M theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà Vương Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Võ Hoàng K, sinh ngày 18/5/2013 (theo nguyện vọng của con chung); bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nên không đặt ra.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Vương Thị T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] *Về án phí*: Bà Vương Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và cũng phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 53, 54, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị T được ly hôn với ông Võ Văn M
- Về con chung: Bà Vương Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Hoàng K, sinh ngày 18/5/2013 (theo nguyện vọng của con chung), ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Bà Vương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011006, ngày 18/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh nên bà T không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được nêi yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú để xin Toà án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu T;
- THADS huyện Châu T.
- UBND xã;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Đến – Trần Thị Sang

Kim Thị Ngọc Thu

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND huyện Châu T.
- THADS huyện Châu T.
- UBND xã Phước Hảo
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu

